

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số 65/2021/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

G, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về “Chia thừa kế và chia tài sản chung” của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Quang H**, sinh năm 1968

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Phan Thị Đông A, sinh năm 1994 - Trú tại: Thôn H, phường T, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông **Phan Quang H1**, sinh năm 1963

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1960

HKT tại: Thôn T, xã T, huyện S (nay là phường T, thị xã S), tỉnh Bắc Ninh.

2. Ông Phan Quang B, sinh năm 1965;

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Ông Phan Quang N, sinh năm 1975

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1949; chị Phan Thị H2, sinh năm 1979; chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977 là người đại diện hợp pháp cho cháu Phan Thanh H4, sinh năm 2006 và cháu Phan Thanh B, sinh năm 2009 - Cùng trú tại: Tổ dân phố L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

6. Chị Phan Thị H5 (tức Phan Thị Thu T1), sinh năm 1976 - Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống:

Các đương sự thống nhất xác nhận: Cụ ông Phan Quang H6, sinh năm 1924 (chết năm 2001) và cụ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1934 (chết năm 2009).

Cụ H6 và cụ N1 sinh được 07 người con gồm: Bà Phan Thị T, Phan Quang H1, ông Phan Quang B, ông Phan Quang H, bà Phan Thị T1, Phan Quang T2, ông Phan Quang N. Ông T2 chết năm 2020 có vợ là bà Nguyễn Thị T2 và con là Phan Thị H5, Phan Thị H2 và Phan Xuân H7; anh Phan Xuân H7 chết năm 2016 có vợ là Nguyễn Thị H3 và hai con là cháu Phan Thanh H4, sinh năm 2006 và Phan Thanh B, sinh năm 2009.

2.2. Tài sản chung của cụ Phan Quang H6 và cụ Nguyễn Thị N1, ông Phan Quang H và ông Phan Quang N là 2.259m² đất nông nghiệp tại Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1259.QSĐĐ ngày 31/12/2000 cho hộ gia đình ông (bà) Phan Quang H6.

2.3. Các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ H6 và cụ N1 để lại như sau:

2.3.1. Ông Phan Quang H là Nguyên đơn được quyền quản lý và sử dụng các thửa đất sau:

+ Thừa đất số 101 (11), tờ bản đồ số 261-9, diện tích 480m² thuộc Khu Đồng Đ, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội;

+ Thừa đất số 40 (1), tờ bản đồ số 261-5, diện tích 178m² thuộc Khu đất phân trăm, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.2. Bà Phan Thị Thành, ông Phan Quang B, bà Phan Thị T1, ông Phan Quang N, bà Nguyễn Thị T2 và chị Nguyễn Thị H3 thống nhất giao cho ông Phan Quang H1 được quyền đứng tên quản lý và sử dụng các thửa đất sau:

+ Thừa đất số 95 (8^a), tờ bản đồ số 261-9, diện tích 540m² thuộc Khu X, Ao Láng, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội;

+ Thừa đất số 6 (8), tờ bản đồ số 261-8, diện tích 242m² thuộc Khu đất phân trăm, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội;

+ Thừa đất số 97 (1^a), tờ bản đồ số 261-9, diện tích 560m² thuộc Khu Đường V, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội;

+ Thừa đất số 47 (5), tờ bản đồ số 261-9, diện tích 67m² (Nhà nước đã thu hồi 30,2m² mở rộng quốc lộ 3B) thuộc Khu Xứ Đường Q, Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3.3. Các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho nhau.

2.3.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc kê khai đăng ký biến động quyền sử dụng các thửa đất được phân chia và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phan Quang H phải chịu 12.830.680 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 8.947.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0072532 ngày 12/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Nay, ông Huỳnh phải nộp tiếp số tiền 3.883.000 đồng.

3.2. Ông Phan Quang H1 phải chịu 23.021.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H1 được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của UBND xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 14/6/2021. Ông H1 còn phải nộp 11.510.643 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G, t/p Hà Nội;
- Chi Cục THADS huyện G, t/p Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Quang Dũng